

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/12/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+CTC1+RCDM	7:25	21+0+1	0+0+0		17+2+3	0+0+0	Chuyen 4 RP2-CTC1
2		PVD2+RC3+RP2	7:25	7+11+4	0+0+0		1+5+15	0+0+0	
3		TD2	7:25	16	0		19	0	
4		BK14+CTC1+RC3+RP2	9:25	5+12+0+5	0+0+0+0		0+13+1+4	0+0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Di về trong ngày RC3

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT:	TO: RP2 - CTC1 - RCDM	CREW: Phong - N.Anh - N.Nam	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN BAN	RP2	07	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN VĂN LY	RP2	10	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN KHÁC SANG	RP2	14	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	RP2	12	1	13		65	YTE	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	17	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VŨ QUYÊN	RP2	19,21	2	14		62	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ ĐỨC LONG	RP2	03	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN THIÊM	RP2	15-16	2	14		55	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN THANH	RP2	25	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2					65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN QUỐC KHÁNH	RP2					78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	18	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	TẠ VĂN VIỆT	RP2	06	1	10		81	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HAI SANG	RP2	08	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
15	SYSTEROV	RP2	24	1	9		80	KH-THAC	Russian
16	NGUYỄN THANH DUY	RP2	11	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC VINH	RP2	09	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÀO VĂN TUÂN	RP2	13	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM BA HOANG	RP2	22-23	2	5		68	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM QUANG LỢI	RP2	04	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN THANH TUÂN	RP2	05	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
22	LUU BA XO	RCDM	01-02	2	15	61	78	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	21	22	130	1.458	0	17		CHUYEN 04 PAX TU RP2 SANG CTC1
2	CTC1	0	0	0	0	50	2		
3	RCDM	1	2	15	78	61	3		
TOTAL		22	24	145	1.536	111	22		
WEIGHT KG				145	1.536	111			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: PVD2 - RC3 - RP2	CREW: VThắng - XTrường - Huy	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRUONG QUYET THANG	PVD2	57	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN TAN PHONG	PVD2	58	1	12		66	KHOAN	Vietnamese
3	DO VAN HIEU	PVD2	52	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
4	TA TRUNG DUNG	PVD2	54	1	10		92	KHOAN	Vietnamese
5	CAO XUAN VINH	PVD2	55	1	12		85	KHOAN	Vietnamese
6	DINH NGOC HIEU	PVD2	53	1	11		83	KHOAN	Vietnamese
7	HUYNH QUANG TIEN	PVD2	56	1	11		81	KHOAN	Vietnamese
8	ĐO NGUYEN HONG THANH	RC3	93	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
9	NIKITIN	RC3					90	ANTOAN	Russian
10	NGUYEN TAN HONG	RC3	99	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
11	VÔ TUÂN ANH	RC3	97-98	2	4		58	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG HOANG ANH	RC3	16	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ MINH ĐỨC	RC3	94	1	15	61	96	KH-THAC	Vietnamese
14	LẠI ANH TUÂN	RC3	95-96	2	15		98	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ HỒNG LINH	RC3	91	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NAM THẮNG	RC3	92	1	12		110	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC HUY	RC3	13-14	2	15	18	63	T-TIN	Vietnamese
18	LÊ TRUNG TIEN	RC3	15	1	7		73	GETRACO	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT NHƯÔNG	RP2	01	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ DUY QUYỀN	RP2	03	1	3	15	61	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ CHÍ CƯỜNG	RP2	02	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC TÂN	RP2	05	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	7	7	77	557	0	1		
2	RC3	11	13	96	894	79	5		
3	RP2	4	4	23	258	15	15		
TOTAL		22	24	196	1.709	94	21		
WEIGHT KG				196	1.709	94			

GRAND TOAL: 1.999 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/12/2020	TO: TD2	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Tường - ATUẤN	ETA: 10:40
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NHƯ Y	TD2	62-63	2	10	33	61	QUATEST3	Vietnamese
2	NGUYEN TUAN ANH	TD2	67-68	2	10		67	QUATEST3	Vietnamese
3	ZELENSKI	TD2	59	1	10		79	KH-THAC	Russian
4	PHAN VIET TUNG	TD2					71	KH-THAC	Vietnamese
5	DƯƠNG VĂN THÔNG	TD2	55	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN MINH TAM	TD2	69	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ ĐÌNH HUY	TD2	60	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
8	VU HUNG TUAN	TD2					71	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐO VĂN CUÔNG	TD2					69	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN SƠN	TD2	58	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
11	LAI MINH HOANG	TD2	65-66	2	14		83	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ANH TUAN	TD2	64	1	5	18	55	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HUY DU	TD2	61	1	4		94	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN ĐÌNH TUAN	TD2	56-57	2	12		55	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN HOÀ	TD2					70	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN DAN	TD2	39	1	6		70	KHAI-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	16	16	90	1.104	51	19		
	TOTAL	16	16	90	1.104	51	19		
	WEIGHT KG			90	1.104	51			

GRAND TOAL: 1.245 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



Fuel : 1800 kg (Hiện)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT:	TO: BK14 - CTC1 - RC3 - RP2	CREW: Phong - N.Anh - N.Nam	ETA: 11:55
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU ĐỨC SANG	BK14	67	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN TUYẾT	BK14	69	1	13	14	72	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐUNG	BK14	68	1	12		57	DVL	Vietnamese
4	VÔ TÀ ĐÌNH	BK14	71	1	9		78	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐÌNH VĂN TRƯỞNG	BK14	70	1	7		74	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC HAI	CTC1	26	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH TRUNG	CTC1	31-32	2	18		74	CTY CNSC	Vietnamese
8	BUI VĂN NINH	CTC1	34	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN CÔNG HOANG	CTC1	35	1	11		64	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1	33	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGO TUAN ANH	CTC1	27	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HOANG	CTC1					85	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HUYỀN	CTC1	25	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC LANG	CTC1	23-24	2	14		61	T-TIN	Vietnamese
15	NGUYỄN HUỆ	CTC1	28-29	2	9		61	T-TIN	Vietnamese
16	NGUYỄN NAM SON	CTC1	21-22	2	10		80	GETRACO	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH TÙNG	CTC1	30	1	7		80	YTE	Vietnamese
18	PHẠM ANH TU	RP2	10	1	4		80	GETRACO	Vietnamese
19	TRẦN VĂN VIỆT B	RP2	09	1	4		70	GETRACO	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY CẢNH	RP2	11	1	5	50	53	GETRACO	Vietnamese
21	PHẠM XUÂN HUY	RP2	15	1	5		88	GETRACO	Vietnamese
22	NGUYỄN TIEN DAT	RP2	08	1	2		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	5	5	52	350	14	0		
2	CTC1	12	15	88	853	0	13		
3	RC3	0	0	0	0	30	1		
4	RP2	5	5	20	360	50	4		
TOTAL		22	25	160	1.563	94	18		
WEIGHT KG				160	1.563	94			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN